

Số: 30 /BC-DTNTĐGL

Đắk Glong, ngày 28 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030

Căn cứ Văn bản số 20/KH-DTNTĐGL ngày 04/9/2020 của trường PTDTNT THCS và THPT Đắk Glong về Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 26/9/2022 về Nghị quyết Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2025;

Căn cứ vào Nghị quyết phiên họp Hội đồng trường, BGH mở rộng ngày 27/12/2024;

Trường PTDTNT THCS và THPT Đắk Glong xây dựng báo cáo rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 như sau:

1. Bổ sung chỉ số năm học 2023-2024 trong I. **Đặc điểm tình hình nhà trường** như sau:

1. Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

* Số lượng đội ngũ

	TS	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1		208			1
P. Hiệu trưởng	2	1	205			2
Giáo viên	17	10	202		17	
Nhân viên	10	8	218		10	
Tổng	30	19			27	

2. Về học sinh:

* Cơ cấu:

Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Tổng số	208	205	202	218

* Chất lượng

- Chất lượng đại trà:

Năm học	Tổng số HS	Xếp loại hạnh kiểm							
		Tốt		Khá		Đạt		Không đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2020 - 2021	208	183	87,99	25	12,01	0	0	0	0
2021 - 2022	205	182	88,78	25	12,19	0	0	0	0
2022 - 2023	202	189	93,56	13	6,44	32	15,84	0	0,00
2023 - 2024	218	191	87.6	24	11	2	9.1	1	4.58

Năm học	Tổng số học sinh	Xếp loại học lực								Tỷ lệ % HS lên lớp
		Giỏi/Tốt		Khá		Trung bình/Đạt		Yếu/Chưa đạt		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
2020 - 2021	208	7	3,37	96	46,15	96	46,15	3	1,44	100
2021 - 2022	205	10	4,87	95	46,34	91	44,39	8	3,9	100
2022 - 2023	202	10	4,95	88	43,56	95	47,03	10	34,05	100
2023 - 2024	218	8	3.67	88	40.3	98	45	14	6.4	100

ĐẠO
TRƯỜNG
HỒ TH
TỘC N
CS VÀ
HUYỆ
ĐẮK GLC
CS ★

- Tốt nghiệp THCS, THPT

Năm học	THCS		THPT	
	Số học sinh TN	Tỷ lệ (%)	Số học sinh TN	Tỷ lệ (%)
2020 - 2021	30	100%	29	100%
2021 - 2022	29	100%	29	100%
2022 - 2023	25	100%	27	100%
2023 - 2024	26	100%	27	100%

- Chất lượng học sinh năng khiếu

TT	TÊN KỲ THI THAM GIA	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Học sinh giỏi THPT cấp tỉnh	0	0	0	1
2	Học sinh giỏi THCS cấp tỉnh	0	0	0	3
3	Học sinh giỏi THCS cấp huyện			4	6
4	Olympic THPT cấp tỉnh				1
5	Olympic DTNT cấp tỉnh			10	

6	Nghiên cứu KHKT cấp tỉnh				1
7	Sáng tạo TTN cấp tỉnh	0	0	1	0
8	Hùng biện Tiếng Anh			6	6

3. Về cơ sở vật chất: đáp ứng yêu cầu tối thiểu được quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 về việc Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

- Về hạ tầng, trang thiết bị dạy học:

+ Nhà trường có 7 lớp học, 05 phòng học bộ môn, trong đó có 8 phòng học.

+ Khối phòng phục vụ học tập: gồm 01 phòng thư viện, 01 phòng TBDH, 01 nhà thể chất.

+ Khối phòng hành chính quản trị: có đủ 6 phòng làm việc của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng hội đồng, Công đoàn, Kế toán, y tế, truyền thống.

4. Những thành tích chính

Năm học	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định
2020-2021	Lao động tiên tiến	
2021-2022	Lao động tiên tiến	
2022-2023	Lao động xuất sắc	
2023-2024	Lao động tiên tiến	

5. Điều chỉnh, bổ sung mục 2. **Xây dựng và phát triển đội ngũ (mục 2.4 tr12):**

- Nâng cao trình độ Tiếng Anh, Tin học cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng nhu cầu thực hiện chuyển đổi số của xã hội và trong quản lý, dạy học.

6. Điều chỉnh, bổ sung mục 1. **Về học sinh (mục 2.4 tr12):**

2.1. Quy mô trường lớp:

- Số học sinh: Duy trì 225 đến 235 học sinh.

2.2. Chất lượng học tập và rèn luyện:

- Xếp loại Hạnh kiểm (Rèn luyện) loại Khá, Tốt: 100%; học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích, tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện...

- Xếp loại Học lực (Học tập) Khá, Giỏi: Từ 50% trở lên, trong đó trên 3% học lực Giỏi; không có HS học lực yếu, kém.

7. Điều chỉnh, bổ sung mục 3. **Về cơ sở vật chất – tài chính (mục 3.2 tr20):**

- Phần đầu đạt CSVC mức độ 1.

Phải tích cực tham mưu xây dựng thêm 6 phòng bộ môn và 4 phòng học.

Tham mưu bổ sung máy tính và thanh lý các máy tính được đầu tư từ năm 2013.

7. Điều chỉnh, bổ sung mục II. (trang 13)

1. Giai đoạn 2

- Tháng 12 năm 2025 nhà trường đã được công nhận và cấp giấy chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2; được công nhận và cấp Bằng công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1. Thực hiện công tác Tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm đạt hiệu quả và đảm bảo các tiêu chí theo chuẩn đã được công nhận.

2. Tầm đến năm 2030

Phát triển đến 10 lớp với 350 học sinh để xây dựng CSVC đồng bộ, khang trang, hiện đại; chất lượng giáo dục cao và là trường học hạnh phúc.

Trên đây là báo cáo rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 của trường PTDTNT THCS và THPT Đắk Glong./.

Nơi nhận:

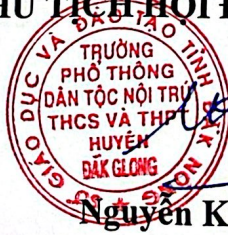
- Sở GD&ĐT (để b/c);
- Huyện uỷ;
- Chi bộ (để b/c);
- Hội đồng trường (để b/c)
- CBQL, GV, NV (để t/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Kiến Huyền

Đắk Glong, ngày tháng 12 năm 2024.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG


Nguyễn Kiến Huyền